

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
QUÝ II NĂM 2014  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>347.886.390.270</b>	<b>304.520.239.747</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>14.077.961.662</b>	<b>17.899.425.036</b>
1. Tiền	111		5.520.960.550	13.606.145.413
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.557.001.112	4.293.279.623
			-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
			-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>156.963.509.896</b>	<b>168.893.411.538</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	149.787.911.716	162.977.165.079
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.096.382.251	2.007.629.033
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.946.309.194	4.775.710.691
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(867.093.265)	(867.093.265)
			-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>67.228.966.305</b>	<b>36.149.221.911</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	67.228.966.305	36.149.221.911
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
			-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>109.615.952.407</b>	<b>81.578.181.262</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.710.447.778	188.470.074
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.574.262.960	1.365.523.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	103.331.241.669	80.024.187.261

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.428.947.457</b>	<b>27.021.827.510</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.020.757.433</b>	<b>18.012.647.094</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	<b>17.151.442.310</b>	<b>18.012.647.094</b>
<i>Nguyên giá</i>	222		30.965.481.934	30.701.051.934
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.814.039.624)	(12.688.404.840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.869.315.123	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.9	<b>4.737.461.482</b>	<b>5.342.185.186</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		12.094.473.923	12.094.473.923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(7.357.012.441)	(6.752.288.737)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.078.000.000</b>	<b>1.078.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1.675.000.000	1.675.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(597.000.000)	(597.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.592.728.542</b>	<b>2.588.995.230</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.383.228.542	2.379.495.230
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		209.500.000	209.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>375.315.337.727</b>	<b>331.542.067.257</b>

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>272.629.290.304</b>	<b>229.276.556.345</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>272.629.290.304</b>	<b>228.858.156.345</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	89.096.022.188	59.009.704.772
2. Phải trả người bán	312	V.12	26.990.453.516	10.113.816.358
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	12.441.284.565	3.004.629.789
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	27.003.886.032	28.758.799.729
5. Phải trả người lao động	315		159.679.267	401.725.010
6. Chi phí phải trả	316	V.15	68.987.809.186	59.512.645.081
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	47.353.773.437	67.432.750.604
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	596.382.113	624.085.002
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>418.400.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	-	418.400.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>84.204.712.408</b>	<b>83.411.942.176</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>84.204.712.408</b>	<b>83.411.942.176</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.860.000.000	45.860.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.077.383.636	24.077.383.636
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.881.171.954	1.881.171.954
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		959.236.810	922.324.126
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.426.920.008	10.671.062.460
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỘ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>18.481.335.015</b>	<b>18.853.568.736</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>375.315.337.727</b>	<b>331.542.067.257</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	Chỉ tiêu	Số lũy kế kỳ này năm nay			Số lũy kế kỳ này năm trước
			Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số kỳ này năm nay	
01	VI.1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.040.935.922	21.097.405.827	76.068.683.122	27.419.966.433
02	VI.2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10		3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.040.935.922	21.097.405.827	76.068.683.122	27.419.966.433
11	VI.3	4. Giá vốn hàng bán	47.009.103.100	17.379.321.868	69.358.209.558	22.928.881.500
20		5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.031.832.822	3.718.083.959	6.710.473.564	4.491.084.933
21	VI.4	6. Doanh thu hoạt động tài chính	69.639.262	1.618.457.619	150.050.997	107.220.286
22	VI.5	7. Chi phí tài chính	902.733.072	1.931.801.277	1.579.518.722	473.081.003
23		Trong đó: chi phí lãi vay	902.733.072	1.931.801.277	1.536.798.562	473.081.003
24	VI.6	8. Chi phí bán hàng	201.091.312	57.906.097	232.424.492	285.864.221
25	VI.7	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.661.035.984	2.040.672.894	2.897.154.759	2.896.837.350
30		10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.336.611.716	1.306.161.310	2.151.426.588	942.522.645
31		11. Thu nhập khác	2.727.272	48.000.000	2.727.272	443.454.545
32		12. Chi phí khác	81.927.248	24.950.460	81.927.248	201.818.585
40		13. Lợi nhuận khác	(79.199.976)	23.049.540	(79.199.976)	241.635.960
45		14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
50		14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.257.411.740	1.329.210.850	2.072.226.612	1.184.158.605



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**CHỈ TIÊU**

Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này năm nay	Số kỳ này năm trước	Số lũy kế kỳ này năm nay	Số lũy kế kỳ này năm trước
51		204.835.559	332.302.739	385.220.882	295.154.939
52		-	-	-	-
60		1.052.576.181	996.908.111	1.687.005.730	889.003.666
61		178.402.927	12.385.168	190.920.815	18.087.349
62	VI.8	874.173.254	984.522.943	1.496.084.915	870.916.317
70		191	215	326	190

Người lập biểu

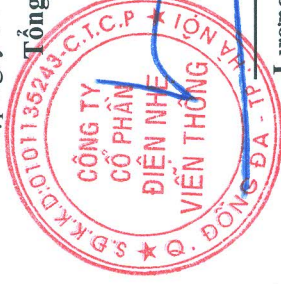
Nguyễn Thị Mỹ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thưởng

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lương Quý Thăng

010  
CÔ  
CÔ  
ĐI  
VI  
NG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.072.226.612	1.184.158.605
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.730.358.488	1.797.670.163
- Các khoản dự phòng	03		-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(419.872.258)
- Chi phí lãi vay	06		1.536.798.562	473.081.003
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.339.383.662	3.035.037.513
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.395.206.545)	575.836.281
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.770.049.532	(17.369.223.784)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.544.546.079)	6.190.746.178
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.525.711.016)	5.554.956
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.149.742.088)	(1.010.529.739)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		163.707.289	1.300.587.705
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(882.885.545)	(780.392.916)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(33.224.950.790)</b>	<b>(8.052.383.806)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(264.430.000)	(2.445.280.205)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	443.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	93.947.001
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(264.430.000)</b>	<b>(1.907.878.659)</b>

352  
TY  
HÀN  
NH  
PHỒ



Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	103.910.067.156	45.781.860.781
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.242.149.740)	(33.441.075.105)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>29.667.917.416</b>	<b>12.340.785.676</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.821.463.374)</b>	<b>2.380.523.211</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 17.899.425.036</b>	<b>1.526.027.438</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1 14.077.961.662</b>	<b>3.906.550.649</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ

Kế toán trưởng

Phạm Đức Thương

Đáp ngày 14 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lương Quý Thăng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông và Công ty con.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
- Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
- Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
- Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thảm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
- Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;

4. Tổng số các công ty con : 01

Công ty con được hợp nhất là

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị viễn thông.	Phòng 402, tòa nhà 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	55,53%	55,53%

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

##### *Các công ty con*

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

##### *Các công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể

---

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2014*

010  
CÔ  
CÔ  
ĐI  
VI  
Ng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận tương ứng với doanh thu theo tỷ lệ được quy định trên các hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đối.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 5

#### 6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

#### 7. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 36 tháng.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### 8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### 9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

##### *Chi phí công trình*

Chi phí công trình được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý chi phí thi công các công trình đã phát sinh trong kỳ.

##### *Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm*

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi công trình (hạng mục công trình) đã hoàn thành, có quyết toán A-B hoặc xác nhận khối lượng (không bao gồm vật tư bên A cấp).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 13. Hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.531.586.531	493.756.371
Tiền gửi ngân hàng	1.989.374.019	13.112.389
Các khoản tương đương tiền	8.557.001.112	4.293.279.623
<b>Cộng</b>	<b><u>14.077.961.662</u></b>	<b><u>17.899.425.036</u></b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2014*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viễn thông và Bưu điện các tỉnh	34.010.604.926	14.096.355.780
Các Công ty, các Ban QLDA	113.927.385.943	146.580.610.787
Các khách hàng khác	1.849.920.847	2.300.198.512
<b>Cộng</b>	<b><u>149.787.911.716</u></b>	<b><u>162.977.165.079</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thiên An	296.469.813	296.469.813
Công ty Công trình Giao thông 1 Hà Nội	131.831.700	131.831.700
CTCP Sông Đà Thăng Long	217.253.762	217.253.762
Công ty TNHH Cúp Vàng	-	584.355.400
Anhui Technology Import and Export Co.,Ltd	-	430.569.216
Công ty TNHH XL Điện nhẹ Viễn thông	200.000.000	-
Công ty Mitsui	1.418.301.695	-
Công ty Borouge	378.541.550	-
Các đối tượng khác	453.983.731	347.149.142
<b>Cộng</b>	<b><u>3.096.382.251</u></b>	<b><u>2.007.629.003</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay vật tư	498.584.410	404.484.057
Phải thu về chi phí bảo hành, mua hồ sơ thầu, chi phí thi công xây lắp của cá nhân đã nghỉ việc	777.750.000	777.500.000
Phải thu về chi phí tiếp khách, chi phí mua hàng của các cá nhân đã nghỉ việc	370.292.209	370.292.209
Phải thu CTCP Đầu tư và Phát triển dự án tiểu vùng sông Mê Kông	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản BHXH, BHYT phải thu CBCNV	342.501.311	342.501.311
Phải thu CTCP Đầu tư Thiết kế viễn thông Cần Thơ về tiền cổ tức	112.781.003	112.781.003
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	63.844.141	63.844.141
Phải thu khác	980.556.120	904.307.970
<b>Cộng</b>	<b><u>4.946.309.194</u></b>	<b><u>4.775.710.691</u></b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.623.373.087	4.178.719.172
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.453.257.981	28.268.851.695
Thành phẩm	5.458.109.968	1.778.048.122
Hàng hóa	1.125.047.449	366.457.769
Hàng gửi đi bán	3.569.177.820	1.557.145.153
<b>Cộng</b>	<b><u>67.228.966.305</u></b>	<b><u>36.149.221.911</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2014

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	102.451.294.387	79.274.615.983
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	839.877.657	709.501.653
Tài sản thiếu chờ xử lý	40.069.625	40.069.625
<b>Cộng</b>	<b><u>103.331.241.669</u></b>	<b><u>80.024.187.261</u></b>

(\*) Chủ yếu là tạm ứng cho các đội thi công



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.349.094.476	17.694.299.609	4.903.943.622	167.086.372	586.627.855	30.701.051.934
Tăng do mua sắm mới		232.430.000		32.000.000		264.430.000
Giảm do nhượng bán						
Số cuối kỳ	<b>7.349.094.476</b>	<b>17.926.729.609</b>	<b>4.903.943.622</b>	<b>199.086.372</b>	<b>586.627.855</b>	<b>30.965.481.934</b>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.985.743.870	7.287.337.878	2.661.608.865	167.086.372	586.627.855	12.688.404.840
Khấu hao trong quý	175.607.220	779.716.499	169.422.176	888.889	-	1.125.634.784
Giảm do nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>2.161.351.090</b>	<b>8.067.054.377</b>	<b>2.831.031.041</b>	<b>167.975.261</b>	<b>586.627.855</b>	<b>13.814.039.624</b>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.363.350.606	10.406.961.731	2.242.334.757	-	-	18.012.647.094
Số cuối kỳ	<b>5.187.743.386</b>	<b>9.859.675.232</b>	<b>2.072.912.581</b>	<b>31.111.111</b>	-	<b>17.151.442.310</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho thuê.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	12.094.473.923	6.752.288.737	5.342.185.186
Tăng do trích khấu hao	-	604.723.704	
Giảm trong kỳ			(604.723.704)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.094.473.923</b>	<b>7.357.012.441</b>	<b>4.737.461.482</b>

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
CTCP Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	10.684	1.078.000.000	10.684	1.078.000.000
CTCP Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông	5.970	597.000.000	5.970	597.000.000
		<b>1.657.000.000</b>		<b>1.657.000.000</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		<b>36.876.649.534</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thăng Long	37.526.926.529	30.279.194.439
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.428.602.570	873.760.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	7.295.023.277	5.723.695.095
<b>Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân</b>	<b>39.845.469.812</b>	<b>21.673.055.238</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>460.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>89.096.022.188</b>	<b>59.009.704.772</b>

**12. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
CTCP Xây dựng Công nghệ Toàn Phát	6.689.432.008	6.689.432.008
CTCP Thiết kế Xây dựng và Thương mại Hà Thành	-	133.752.051
Công ty TNHH Đại Phúc	1.064.684.164	1.064.684.164
Công ty TNHH MTV Trung Phong	297.075.356	276.517.547
CTCP Thương mại Xây lắp Thái Bình Dương Việt Nam	194.352.847	574.174.560
Công ty TNHH MTV Thông tin M3	4.550.656.000	-
CTCP Vật liệu Điện nhẹ và Viễn thông Sam Cường	12.260.160.000	-
Công ty TNHH SX & TM Quang Huy	131.440.000	-
Công ty TNHH SX & TM Tuấn Anh Yến	149.270.000	-
Công ty TNHH Cúp Vàng	383.861.668	-
Công ty TNHH Vina Compound	211.000.000	-
Các đối tượng khác	1.058.521.473	1.375.256.028
<b>Cộng</b>	<b>26.990.453.516</b>	<b>10.113.816.358</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý giao thông đô thị	313.600.000	313.600.000
Viễn thông Lâm Đồng	757.099.000	757.099.000
Công ty Viễn thông VTN	226.859.400	388.292.277
Thầu Thiết kế và Xây dựng Dự án Tuyến đường Vành Đai ngoài Tân Sơn Nhất – Bình Lợi	9.782.508.551	643.436.100
Cục Quản trị Bộ Công An	-	328.000.000
BQL Dự án Tà Ngạn	238.000.000	238.000.000
Các đối tượng khác	1.123.217.614	336.202.412
<b>Cộng</b>	<b><u>12.441.284.565</u></b>	<b><u>3.004.629.789</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	20.741.873.549	4.204.585.023	6.704.585.023	18.241.873.549
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	88.826.057	1.048.372.187	700.677.325	436.520.919
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.994.277.333	385.220.882	-	7.379.498.215
Thuế thu nhập cá nhân	598.093.938	15.170.559	-	613.264.497
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	222.325.847	-	-	222.325.847
Các loại thuế khác	113.403.005	9.000.000	12.000.000	110.403.005
<b>Cộng</b>	<b><u>28.758.799.729</u></b>	<b><u>5.662.348.651</u></b>	<b><u>7.417.262.348</u></b>	<b><u>27.003.886.032</u></b>

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	714.505.366	805.733.643
Chi phí các công trình xây lắp trích trước	68.177.453.820	58.611.061.438
Trích trước chi phí khác	95.850.000	95.850.000
<b>Cộng</b>	<b><u>68.987.809.186</u></b>	<b><u>59.512.645.081</u></b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.032.433	11.032.433
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	807.065.949	892.795.300
Phải trả trung tâm II – Chi phí vật tư, nhân công công trình xây lắp	2.727.931.460	2.727.931.460
Phải trả khoản vay vật tư	393.039.489	393.039.489
Chi phí các công trình còn phải trả khác	-	48.087.641.311
Phải trả về cổ tức	724.659.190	724.479.056
Phải trả các cá nhân về tiền vay không tính lãi	13.384.309.180	13.935.562.180
Các khoản phải trả khác	29.305.735.736	660.269.375
<b>Cộng</b>	<b><u>47.353.773.437</u></b>	<b><u>67.432.750.604</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	624.085.002
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	66.469.219
Tăng do tập đoàn khen thưởng	-
Chi quỹ trong năm	94.172.108
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>596.382.113</b>

**18. Vay và nợ dài hạn**

Công ty huy động nguồn vốn vay trung và dài hạn của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam nhằm mục đích mua xe ô tô Prado phục vụ sản xuất kinh doanh.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay vốn BIDV	-	418.400.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>418.400.000</b>

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong quý</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay vốn BIDV	418.400.000	-	418.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>418.400.000</b>	<b>-</b>	<b>418.400.000</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	45.860.000.000	24.077.383.636	-	1.881.171.954	922.324.126	10.671.062.460	83.411.942.176
Lợi nhuận trong kỳ						1.496.084.915	1.496.084.915
Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn							
Phát hành cổ phiếu mới tăng vốn							
Trích lập các quỹ trong năm					36.912.684	(73.825.367)	(36.912.684)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại							
Chi quỹ trong năm							
Chia cổ tức năm nay						(666.402.000)	(666.402.000)
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>45.860.000.000</b>	<b>24.077.383.636</b>	<b>-</b>	<b>1.881.171.954</b>	<b>959.236.810</b>	<b>11.426.920.008</b>	<b>84.204.712.408</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty không trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo này vì đây là Báo cáo của Công ty mẹ. Chỉ tiêu này sẽ được tính toán và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### Thuê hoạt động

Hợp đồng thuê văn phòng số 12/HĐTĐN ngày 03/05/2013, thuê nhà LK 14, Ô 25-26 Khu ĐTM Văn Khê, phường La Khê quận Hà Đông, TP Hà Nội thời hạn thuê 04 năm từ ngày 01/05/2013 đến hết ngày 01/05/2017, kỳ hạn thanh toán 06 tháng/lần.

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2014.

Kế toán trưởng



Phạm Đức Thương

Tổng Giám đốc



Lương Quý Thăng

